

Bản án số: 157/2026/HS-PT
Ngày 19-3-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Lộc.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lâm;

Ông Nguyễn Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 2) xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 12/2026/TLPT-HS ngày 07 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo Nguyễn Thanh H và bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 196/2025/HS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thanh H sinh năm 1981 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Số B H, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Photocopy; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn H1 và bà Trần Thị T; có chồng và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay, có mặt.

2. Phạm Văn K, sinh năm 1978 tại tỉnh Hải Dương (nay là Thành phố Hải Phòng); nơi cư trú: Số A (số mới 53), khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Bác sỹ; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N và bà Trịnh Thị L; có vợ và 02 con;

tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh H:* Ông Ngô N1 – Luật sư Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 01 bị cáo và 10 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án do không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/7/2023, tổ tuần tra của Công an thành phố D thực hiện tuần tra kiểm soát, đảm bảo An ninh trật tự trên địa bàn phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Khi đến trước bãi đất trống trên đường B, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương thì phát hiện ông Nguyễn Thế D có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu dừng xe kiểm tra. Qua kiểm tra phát hiện trong cốp xe mô tô của ông D đang điều khiển có một bộ hồ sơ xin việc mang tên Hoàng Trung Đ gồm: 02 CCCD photo, 01 Đơn xin việc và 02 Sơ yếu lý lịch đều có hình dấu tròn đỏ của UBND phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh và chữ ký người thực hiện chứng thực Hồ Ngọc T1; chữ ký của người tiếp nhận hồ sơ Trần Văn H2; 01 Đơn xin xác nhận tiền án tiền sự, tại nơi dán hình có đóng dấu giáp lai màu đỏ của Công an phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương và có chữ ký của Đại úy Ngô Văn Chí C; 01 Giấy khám sức khỏe có dán hình, tại nơi dán hình có đóng dấu giáp lai màu đỏ của Công ty TNHH Y và có chữ ký của BS.CK1 Phạm Văn K nhưng chưa điền thông tin. Bản thân anh Nguyễn Thế D xác định bộ hồ sơ xin việc làm nêu trên được ông Hoàng Trung Đ (sinh năm 2004, Hộ khẩu thường trú: xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng) nhờ làm giúp, ông D đặt làm bộ hồ sơ xin việc với số tiền 350.000 đồng tại tiệm P có địa chỉ tại số B, đường H, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương do Nguyễn Thanh H nhận làm. Ông D không biết H làm giả các tài liệu trên.

Sau khi làm việc với ông Nguyễn Thế D, Công an thành phố D đã tiến hành kiểm tra hoạt động kinh doanh của tiệm P thì phát hiện bên trong có nhiều bộ hồ sơ xin việc có đóng dấu xác nhận của Cơ quan chức năng nhưng chưa điền thông tin và nhiều Giấy khám sức khỏe và Đơn xin xác nhận tiền án, tiền sự tương tự. Căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D tiến hành khám xét khẩn cấp nơi làm việc, nơi ở của Lê Hữu K1 và Nguyễn Thanh H là chủ tiệm photocopy Tuấn H3. Quá trình khám xét, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D thu giữ các tài liệu gồm:

- Bộ hồ sơ xin việc mang tên Phan Thị D1, bên trong có: 02 CCCD photo, 01 Đơn xin việc và 02 Sơ yếu lý lịch đều có hình dấu tròn đỏ của UBND phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh, chữ ký người thực hiện chứng thực Lê Nhật T2 và chữ ký của người tiếp nhận hồ sơ Nguyễn Thị Ngọc H4; 01 Đơn xin xác nhận tiền án tiền sự, tại nơi dán hình có đóng dấu giáp lai màu đỏ của Công an phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương và có chữ ký của Trung tá Trần Thị M và 01 Giấy khám sức khỏe có dán hình, tại nơi dán hình có đóng dấu giáp lai màu đỏ của Công ty TNHH Y và có chữ ký của BS.CK1 Phạm Văn K nhưng chưa điền thông tin.

- Bộ hồ sơ xin việc mang tên Phạm Thảo Q, bên trong có: 02 CCCD photo, 01 Đơn xin việc và 02 Sơ yếu lý lịch có hình dấu tròn đỏ của UBND phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương, chữ ký của người tiếp nhận hồ sơ Nguyễn Hoàng N2, Phó chủ tịch Nguyễn Quốc K2; 01 Đơn xin xác nhận tiền án tiền sự, tại nơi dán hình có đóng dấu giáp lai màu đỏ của Công an phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương và có chữ ký của Đại úy Ngô Văn Chí C và 01 Giấy khám sức khỏe có dán hình, tại nơi dán hình có đóng dấu giáp lai màu đỏ của Công ty TNHH Y và có chữ ký của BS.CK1 Phạm Văn K nhưng chưa điền thông tin.

- Bộ hồ sơ xin việc mang tên Nguyễn Hữu N3, bên trong có: 01 Đơn xin xác nhận tiền án tiền sự, tại nơi dán hình có đóng dấu giáp lai màu đỏ của Công an phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương và có chữ ký của Đại úy Ngô Văn Chí C và 01 Giấy khám sức khỏe có dán hình, tại nơi dán hình có đóng dấu giáp lai màu đỏ của Công ty TNHH Y và có chữ ký của BS.CK1 Phạm Văn K nhưng chưa điền thông tin.

- Bộ hồ sơ xin việc mang tên Trần Ngọc H5, bên trong có: 02 CMND photo, 01 Đơn xin việc và 02 Sơ yếu lý lịch đều có hình dấu tròn đỏ của UBND phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh, chữ ký của người thực hiện chứng thực Hồ Ngọc T1 và người tiếp nhận hồ sơ Trần Văn H2; 01 Đơn xin xác nhận tiền án, tiền sự, tại nơi dán hình có đóng dấu giáp lai màu đỏ của Công an phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương và có chữ ký của Đại úy Ngô Văn Chí C và 01 Giấy khám sức khỏe có dán hình, tại nơi dán hình có đóng dấu giáp lai màu đỏ của Công ty TNHH Y và có chữ ký của BS.CK1 Phạm Văn K nhưng chưa điền thông tin.

- Bộ hồ sơ xin việc mang tên Phan Hoài A, bên trong có: 02 CCCD photo, 01 Đơn xin việc và 02 Sơ yếu lý lịch có hình dấu tròn đỏ của UBND phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh và chữ ký người thực hiện chứng thực Hồ Ngọc T1 và chữ ký của người tiếp nhận hồ sơ Trần Văn H2; 01 Đơn xin xác nhận tiền án tiền sự, tại nơi dán hình có đóng dấu giáp lai màu đỏ của Công an phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương và có chữ ký của Đại úy Ngô Văn Chí C và 01 Giấy khám sức khỏe có dán hình, tại nơi dán hình có đóng dấu giáp lai màu đỏ

của Công ty TNHH Y và có chữ ký của BS.CK1 Phạm Văn K nhưng chưa điền thông tin.

- 09 (Chín) tờ Giấy khám sức khỏe có dán hình, tại nơi dán hình có đóng dấu giáp lai màu đỏ của Công ty TNHH Y và có chữ ký của BS.CK1 Phạm Văn K (tất cả các Giấy khám sức khỏe này đều không có thông tin người khám và chưa ghi ngày, tháng, năm); 06 (sáu) tờ Giấy khám sức khỏe có dán hình, tại nơi dán hình có đóng dấu giáp lai màu đỏ của Công ty TNHH Y và có chữ ký của BS.CK1 Phạm Văn K; 02 (hai) tờ Giấy khám sức khỏe có dán hình mang tên Mai Đình G và Lương Văn B, tại nơi dán hình có đóng dấu giáp lai màu đỏ của Công ty TNHH Y và có chữ ký của PGĐ Đàm Văn T3 và 03 (ba) tờ Đơn xin xác nhận tiền án, tiền sự, tại nơi dán hình có đóng dấu giáp lai màu đỏ của Công an phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương và có chữ ký của Trung tá Trần Thị M.

Công an thành phố D kiểm tra hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Y do Phạm Văn K là Giám đốc, phát hiện và thu giữ 07 (Bảy) tờ Giấy khám sức khỏe không dán hình, không có thông tin người khám và chưa ghi ngày, tháng, năm nhưng có ký xác nhận các khoa khám và ký đóng dấu tròn đỏ của Công ty TNHH Y.

Quá trình điều tra Nguyễn Thanh H khai:

Nguyễn Thanh H mở tiệm P tại địa chỉ trên từ tháng 7/2023 cho đến ngày 01/7/2023 thì bị cơ quan Công an kiểm tra, các máy móc thiết bị sử dụng trong tiệm photo Tuấn H3 đều do H3 bỏ tiền mua từ nguồn tiền hưởng bảo hiểm thất nghiệp của H3. Tiệm P có đăng bảng hiệu nhận công chứng giấy tờ, bán Giấy khám sức khỏe, hồ sơ xin việc tất cả các tỉnh. Để nhận làm được hồ sơ xin việc thì H3 yêu cầu người đặt làm cung cấp giấy CCCD hoặc giấy CMND và ảnh hình thẻ, sau đó photo giấy CMND/CCCD thành 02 bản, đơn xin việc, sơ yếu lý lịch và đơn xin xác nhận tiền án, tiền sự được H3 lên mạng tải về máy tính rồi in ra sử dụng nếu người đặt làm không có hình ảnh thì H3 dùng điện thoại chụp ảnh có trong CCCD/CMND rồi đưa vào phần mềm Corel chỉnh sửa rồi in ra bằng máy in màu, sau đó dán hình lên các tài liệu có yêu cầu. Khi có đủ tài liệu có trong hồ sơ thì người đặt làm tự ghi thông tin cá nhân lên trên các tài liệu, trường hợp người đặt làm không biết chữ thì H3 nhận viết trực tiếp lên các tài liệu. Các tài liệu gồm: CMND/CCCD, Đơn xin việc, Sơ yếu lý lịch được H3 nhờ ông Trịnh Văn H6 mang đến UBND phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương hoặc UBND phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh để sao y, chứng thực với giá 80.000 đồng/bộ, đơn xin xác nhận tiền án, tiền sự được H3 mang đến Công an phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương nộp xác nhận. Đối với Giấy khám sức khỏe thì H3 mang hình và CCCD/CMND của người đặt làm đến Công ty TNHH Y do Phạm Văn K là Giám đốc hoặc Công ty TNHH Y, do ông Đàm Văn T3 đại diện để các cơ sở y tế này dán hình lên Giấy khám sức khỏe rồi đóng dấu giáp lai lên hình ảnh, ký tên xác nhận các khoa khám và ký, đóng dấu xác nhận của người

kết luận. Bộ hồ sơ xin việc hoàn chỉnh được H3 nhận làm với số tiền từ 250.000 đồng đến 350.000 đồng (số tiền 350.000 đồng đối với những người không biết chữ và không cung cấp được hình thẻ).

Lê Hữu K1 khai nhận làm nghề khoan giếng, môi giới bất động sản, thỉnh thoảng phụ vợ là Nguyễn Thanh H làm thêm công việc dịch vụ photocopy, công chứng các loại giấy tờ, làm hồ sơ xin việc làm... Bản thân K1 được H yêu cầu mang 02 tấm hình thẻ và hai CCCD mang tên Lương Văn B và Mai Đình G đến phòng khám Đ2 thuộc Công ty TNHH Y, địa chỉ số A L, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương để đặt làm với số tiền 30.000 đồng/giấy (hiện chưa xác định được người làm), sau đó H đến phòng khám nhận 02 giấy khám sức khỏe do ông K1 đặt làm.

Phạm Văn K khai nhận bản thân là Giám đốc của Công ty TNHH Y. Do muốn kiếm thêm thu nhập nên K đã tự làm mẫu giấy khám sức khỏe mang tên Công ty TNHH Y do mình làm Giám đốc, tự ký giả mạo tên các Bác sỹ chuyên khoa trên các Giấy khám sức khỏe rồi ký xác nhận người có thẩm quyền và đóng con dấu của Công ty bán cho H nhằm thu lợi bất chính số tiền 30.000 đồng/giấy. Quá trình điều tra xác định, Công ty TNHH Y do K là Giám đốc không có chức năng khám sức khỏe theo quy định, con dấu trên các giấy khám sức khỏe là con dấu thật, chữ ký của các Bác sỹ và chữ ký người kết luận đều do ông Khánh T4 ký.

Tại Kết luận giám định số 415/KL-KTHS(TL) ngày 22/9/2023 của Phòng K3 Công an tỉnh B đã kết luận về đối tượng giám định như sau:

1. Chữ ký mang tên “Nguyễn Quốc K2”, “Nguyễn Hoàng N2” và hình dấu tròn có nội dung “*U.B.N.D PHƯỜNG AN BÌNH T.P DĨ AN T. BÌNH DƯƠNG*” trên 05 tài liệu cần giám định so với tài liệu mẫu do cùng một người ký và con dấu đóng ra.

2. Chữ ký mang tên “Lê Nhựt T2”, “Hồ Ngọc T1” và hình dấu tròn “*U.B.N.D PHƯỜNG TRƯỜNG THANH THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC T.P HỒ CHÍ MINH*” trên 20 tài liệu cần giám định so với tài liệu mẫu do cùng một người ký và con dấu đóng ra.

3. Chữ ký mang tên “Trần Thị M”, “Ngô Văn Chí C” và hình dấu tròn có nội dung “*CÔNG AN PHƯỜNG TÂN BÌNH*CÔNG AN THÀNH PHỐ DĨ AN T. BÌNH DƯƠNG” trên 09 tài liệu cần giám định so với tài liệu mẫu do cùng một người ký và con dấu đóng ra.

4. Chữ ký mang tên “Phạm Văn K” và hình dấu tròn có nội dung “*M.S.D.N: 3703031409-C.T.T.N.H.H * T.P DĨ AN – T.BÌNH DƯƠNG – CÔNG TY TNHH Y TÂM ANH” trên 28 tài liệu cần giám định so với tài liệu mẫu do cùng một người ký và có nguồn gốc từ một con dấu đóng ra.

5. Hình dấu tròn có nội dung “* M.S.D.N:37030900612-C.T.T.N.H.H * TP. DĨ AN-T. BÌNH DƯƠNG – CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BỆNH VIỆN ĐA KHOA BẢO AN” trên 02 tài liệu cần giám định so với tài liệu mẫu có nguồn gốc từ một con dấu đóng ra.

6. Chữ viết có nội dung “A - D - Bình Dương; 10/12” trên đơn xin việc của Phạm Thảo Q và chữ viết trên đơn xin xác nhận tiền án, tiền sự của Lê Nguyễn Cẩm V so với chữ viết của Nguyễn Thanh H trên tài liệu mẫu không phải do cùng một người viết ra.

7. Chữ viết có nội dung (trừ phần kết luận mục 6) trên 10 tài liệu cần giám định so với chữ viết của Nguyễn Thanh H trên tài liệu mẫu do cùng một người viết ra.

8. Để có cơ sở kết luận chữ ký của Đàm Văn T3 trên 02 giấy khám sức khỏe, Phòng K3 Công an tỉnh B đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D chuyển hồ sơ đến Phân Viện Khoa học Hình sự Bộ C2 để tiến hành giám định.”

Tại Kết luận giám định số 5828/KL-KTHS ngày 31/10/2024 của Phân viện KHHS tại Thành phố Hồ Chí Minh – Bộ C2 kết luận về đối tượng giám định như sau:

1. Chữ ký đứng tên Đàm Văn T3 trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký đứng tên Đàm Văn T3 do Danh Ngọc S ký thực nghiệm trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 là không phải do cùng một người ký ra.

2. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Nguyễn Văn S1, Nguyễn Bình A1, Ngô Thị Minh T5, Lê Văn T6, Lưu Thị Kim T7 trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký tương ứng đứng tên Nguyễn Văn S1, Nguyễn Bình A1, Ngô Thị Minh T5, Lê Văn T6, Lưu Thị Kim T7 do Danh Ngọc S ký thực nghiệm trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 là phải hay không phải do cùng một người ký ra.

3. Chữ ký đứng tên Đàm Văn T3 trên các tài liệu cần giám định ký hiệu AT, A2 so với chữ ký đứng tên Đàm Văn T3 trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M12 là do cùng một người ký ra.

4. Chữ ký đứng tên Nguyễn Văn S1 trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký đứng tên Nguyễn Văn S1 trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M13 là không phải do cùng một người ký ra.

5. Chữ ký đứng tên Nguyễn Bình A1 trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký đứng tên Nguyễn Bình A1 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M2 đến M6 là không phải do cùng một người ký ra.

6. Chữ ký đứng tên Ngô Thị Minh T5 trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký đứng tên Ngô Thị Minh T5 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M7 đến M11 là không phải do cùng một người ký ra.

7. Chữ ký đứng tên Lê Văn T6 trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký đứng tên Lê Văn T6 trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M14 là không phải do cùng một người ký ra.”

Tại Kết luận giám định số 6718/KL-KTHS ngày 22/11/2023 của Phân Viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh - Bộ C2 kết luận: “Chữ ký đứng tên Đàm Văn T3 trên 02 giấy khám sức khỏe so với chữ ký đứng tên Đàm Văn T3 (Đàm V T8) trên các tài liệu mẫu so sánh là do một người ký ra.”

Quá trình xác minh thông tin các cá nhân ghi trên 09 Đơn xin xác nhận tiền án, tiền sự do ông Ngô Văn Chí C và Trần Thị M đều là Phó Trưởng Công an phường T, thành phố D ký xác nhận bị thu giữ thì không có trường hợp nào cư trú tại phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Tiến hành xác minh tại Sở Y1 thì Công ty TNHH Y được Sở Y1 cấp giấy phép hoạt động với hình thức tổ chức là “Phòng khám chuyên khoa Nội”, không đủ điều kiện khám sức khỏe theo quy định. Công ty TNHH Y được Sở Y1 cấp giấy phép hoạt động với hình thức tổ chức là Phòng khám đa khoa, đủ điều kiện khám sức khỏe từ ngày 28/11/2022 (khám sức khỏe định kỳ, khám sức khỏe cho người dưới 18 tuổi và đủ 18 tuổi trở lên, khám sức khỏe lái xe), tuy nhiên đến ngày 09/10/2023 Phòng khám đã ngưng thực hiện khám sức khỏe do không đủ điều kiện về nhân sự.

Tiến hành xác minh danh sách khám sức khỏe tại Công ty TNHH Y xác nhận Mai Đình G không đến khám sức khỏe vào ngày 18/6/2023 và Lương Văn B không đến khám sức khỏe vào ngày 29/6/2023.

Tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương, xác nhận ngày 30/6/2023 có vào sổ chứng thực hồ sơ xin việc của bà Phạm Thảo Q gồm: 02 CCCD, 01 Sơ yếu lý lịch và 01 Đơn xin việc.

Tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận ngày 29/6/2023 và 30/6/2023 có vào sổ chứng thực hồ sơ xin việc của Phan Thị D1, Hoàng Trung Đ, Phan Hoài A, Trịnh Ngọc H7 gồm: 02 CCCD, 01 Sơ yếu lý lịch và 01 Đơn xin việc.

Về quy trình người dân đến khám sức khỏe tại Phòng khám Đ2 thuộc Công ty TNHH Y để được cấp giấy khám sức khỏe được xác định như sau: Khách hàng đến khám sức khỏe để được cấp giấy khám sức khỏe được nhân viên hướng dẫn đến quầy thu ngân để được cấp mẫu giấy khám sức khỏe, điền thông tin và dán ảnh người được khám lên trên giấy khám sức khỏe và đóng lệ phí khám, sau đó khách hàng đến bàn tiếp nhận bệnh để được đo huyết áp, nhiệt độ, chiều cao và cân nặng (nếu người khám không biết chữ thì nhân viên tiếp nhận bệnh ghi hộ).

Khi kê khai thông tin và đo các chỉ số sinh tồn xong thì nhân viên tiếp nhận bệnh hướng dẫn người khám tự cầm giấy khám sức khỏe đi đến các khoa chuyên môn có trong giấy khám sức khỏe để được các bác sỹ khám và xác nhận. Sau khi khám xong tất cả các khoa thì người khám được nhân viên tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn hoặc nhân viên tiếp nhận mang giấy khám sức khỏe người khám đến phòng ông Đàm Văn T3 để ký kết luận rồi mang đến quầy thu ngân đóng dấu giáp lai hình, đóng dấu người ký kết luận và trả trả kết quả giấy khám sức khỏe cho người khám.

Ông Đàm Văn T3 là Phó Giám đốc Công ty TNHH Y khai nhận: Công ty TNHH Y được Sở Y1 cấp giấy phép hoạt động số: 00795/BD-GPHĐ ngày 11/11/2022 (cấp lại lần 2) với hình thức tổ chức là Phòng khám đa khoa, có địa chỉ số A L, khu phố Đ, phường T. 02 Giấy khám sức khỏe có chữ ký Đàm Văn T3 và hình dấu Công ty TNHH Y bị Công an thu giữ đều do ông T3 ký xác nhận và do nhân viên Danh Ngọc S trình ký nên ông T3 mới ký xác nhận. Tiến hành làm việc Danh Ngọc S khai nhận không trình ký tài liệu nào cho ông T3. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã cho nhận dạng, đối chất nhưng Lê Hữu K1, Nguyễn Thanh H không nhận dạng được ông Danh Ngọc S là người nhận làm giả 02 Giấy khám sức khỏe mang tên Mai Đình G, Lương Văn B. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D không xem xét xử lý hình sự đối với ông Đàm Văn T3, anh Danh Ngọc S.

Qua xác minh và làm việc với Bác sỹ Lê Văn S2, Lê Văn T6 có tên ký xác nhận vào các khoa khám trên 02 Giấy khám sức khỏe của Công ty TNHH Y thì các chữ ký mang tên họ không phải do chính họ ký ra, riêng Nguyễn Bình A1, Ngô Thị Minh T5, Lưu Thị Kim T7 đã nghỉ việc, không rõ lai lịch nên không làm việc được. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã trưng cầu giám định chữ ký của các bác sỹ Lê Văn S2, Lê Văn T6, Nguyễn Bình A1, Ngô Thị Minh T5, Lưu Thị Kim T7 ký xác nhận các khoa khám trên hai giấy khám sức khỏe mang tên Mai Đình G và Lương Văn B do Công ty TNHH Y cấp, theo Kết luận giám định số 5282/KL-KTHS ngày 31/10/2024 của Phân viện KHHS tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận các chữ ký của các bác sỹ nêu trên không phải do cùng một người ký ra.

Đối với đối tượng nhận 02 Giấy khám sức khỏe mang tên Mai Đình G, Lương Văn B, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã tiến hành thu thập danh sách nhân viên, tuy nhiên do nhân viên Công ty TNHH Y thường xuyên biến động, hồ sơ xin việc không còn lưu trữ nên không có cơ sở thu thập thông tin, hình ảnh nên không có cơ sở để tiếp tục truy tìm.

Đối với hành vi của ông Ngô Văn Chí C và bà Trần Thị M: Không kiểm tra, không xác minh thông tin ghi trong đơn xin xác nhận tiền án, tiền sự, thông tin không có thật là giả mà ký xác nhận (Ngô Văn Chí C ký xác nhận 05 Đơn, Trần Thị M ký xác nhận 04 đơn). Tuy nhiên, trong thực tiễn công tác tại Công an

phường T thì bộ phận tiếp dân thường trưng dụng Lực lượng dân phòng, dân phố hỗ trợ cán bộ nội cần xử lý thủ tục hành chính cho người dân, đôi lúc không sâu sát hết được công việc, không có động cơ mục đích vụ lợi cá nhân, hành vi này chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm mà vi phạm quy trình công tác nên Công an thành phố D đã xem xét xử lý kỷ luật đối với ông Ngô Văn Chí C, bà Trần Thị M.

Đối với hành vi ông Trịnh Văn H6 là người nhận chứng thực, sao y Đơn xin việc, Sơ yếu lý lịch, CMND/CCCD cho Nguyễn Thanh H có đưa kèm bản chính CCCD/CMND để đến UBND phường T và phường A chứng thực và sao y các hồ sơ mà ông H6 nhận chứng thực, sao y đều được UBND các phường ghi vào sổ lưu, bản thân ông H6 đi làm lấy công, không biết bà Nguyễn Thanh H nhận làm giả hồ sơ xin việc, do vậy hành vi của ông H6 không đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Đối với những người đặt làm tài liệu giả gồm: Hoàng Trung Đ, Phan Thị D1, Phạm Thảo Q, Nguyễn Hữu N3, Trần Ngọc H5, Phan Hoài A, Mai Đình G, Lương Văn B, Hồ Công D2, Mai Văn C1, Nguyễn Văn Đ1, Mã Văn T9, Vi Văn H8, Nguyễn Văn N4, Lê Thị Cẩm V1. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã tiến hành lấy lời khai Hoàng Trung Đ, Phan Thị D1, Phan Hoài A thể hiện do thấy tiệm photocopy Tuấn H3 có đăng bảng hiệu nhận làm hồ sơ xin việc tất cả các tỉnh, công chứng tất cả các loại giấy tờ nên tin tưởng đến đặt làm, mặc khác họ chưa nhận, chưa sử dụng vào mục đích cá nhân nên chưa gây nguy hiểm cho xã hội. Do vậy hành vi của những người trên chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Đối với ông Nguyễn Văn N4 khai nhận chữ viết, hình ảnh trên các tài liệu đều không phải là của ông N4. Ông N4 không nhờ ai đặt làm các tài liệu trên. Tiến hành xác minh Phạm Thảo Q, Nguyễn Hữu N3, Trần Ngọc H5 thể hiện không có tên cư trú tại địa phương. Đối với Mai Đình G, Lương Văn B, Hồ Công D2, Mai Văn C1, Nguyễn Văn Đ1, Mã Văn T9, Vi Văn H8, Lê Thị Cẩm V1 đã tiến hành xác minh thể hiện không có mặt tại địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiếp tục xác minh, lấy lời khai để xử lý theo quy định.

Về thu giữ và xử lý vật chứng:

- Đối với các tài liệu thu giữ trong vụ án, do liên quan đến việc phạm tội nên đề nghị lưu theo hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 bộ máy vi tính để bàn gồm: 01 màn hình màu đen hiệu LG, 01 CPU màu đen SAMA, 01 bàn phím, 01 chuột có dây, 01 máy in hiệu EPSON màu đen thu giữ trong vụ án do Nguyễn Thanh H sử dụng vào việc phạm tội đề nghị tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 350.000 đồng Nguyễn Thanh H đã thu lợi bất chính, số tiền 630.000 đồng Phạm Văn Khánh đã thu lợi bất chính buộc các bị cáo nộp để

sung ngân sách Nhà nước.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 196/2025/HS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 2 Điều 52 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng a khoản 3 Điều 341; Điều 58; Điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 2 Điều 52; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Phạm Văn K 03 (ba) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Ngoài ra, Bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên phạt bị cáo Lê Hữu K1 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; tuyên về xử lý vật chứng, nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 03 tháng 12 năm 2025, bị cáo Nguyễn Thanh H kháng cáo toàn bộ nội dung bản án hình sự sơ thẩm.

- Ngày 03 tháng 12 năm 2025, bị cáo Phạm Văn K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thanh H, Phạm Văn K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo K thay đổi yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo; kháng cáo của các bị cáo được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh H trình bày: Người bào chữa thống nhất về tội danh, điều khoản mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo Nguyễn Thanh H. Tuy nhiên, người bào chữa bổ sung thêm một số tình tiết nhằm làm sáng tỏ nội dung vụ án. Bản thân bị cáo H chỉ muốn giúp những người có nhu cầu hoàn thiện hồ sơ xin việc và những tài liệu khác đều được thực hiện theo đúng quy định. Đồng thời, bị cáo H không phải là người trực tiếp làm giả các giấy khám sức khỏe. Ngoài ra, bị cáo H có các tình tiết giảm nhẹ như là trụ cột chính trong gia đình, đã nộp lại toàn bộ tiền thu lợi bất chính, hành vi của bị

cáo chưa gây thiệt hại; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; mẹ chồng của bị cáo hiện đang mắc bệnh nặng. Tòa án cấp sơ thẩm dùng tổng số tài liệu để áp dụng tình tiết định khung và tình tiết nặng là chưa phù hợp. Từ những cơ sở trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, tạo điều kiện cho bị cáo sớm trở về chăm sóc mẹ già, con nhỏ.

Bị cáo Nguyễn Thanh H thống nhất với phần trình bày của người bào chữa; không tham gia tranh luận bổ sung gì thêm;

Bị cáo Phạm Văn K không tham gia tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo H xin được giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Khánh mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo H; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Nguyễn Thanh H nhận làm hồ sơ xin việc cho người khác với giá từ 250.000 đồng đến 350.000 đồng/bộ. Bị cáo H đã mang hình ảnh của người đặt làm hồ sơ trong đó có giấy khám sức khỏe đến gặp bị cáo Phạm Văn K thuộc Công ty TNHH Y đặt làm 21 giấy khám sức khỏe và H đã nhờ Lê Hữu K1 mang 02 tấm hình thẻ, căn cước công dân đến Công ty TNHH Y Bệnh viện Y để đặt làm 02 giấy khám sức khỏe các cơ sở y tế trên ký tên xác nhận các khoa khám và ký đóng dấu xác nhận của người kết luận nhưng thực tế không có người đến phòng khám để khám sức khỏe, đồng thời Công ty TNHH Y không có chức năng khám sức khỏe để thu lợi bất chính số tiền 350.000 đồng.

Phạm Văn K tự làm mẫu Giấy khám sức khỏe mang tên Công ty TNHH Y do mình làm Giám đốc, tự ký giả mạo tên các Bác sỹ chuyên khoa trên các Giấy khám sức khỏe rồi ký xác nhận người có thẩm quyền và đóng con dấu của Công ty bán 21 Giấy khám sức khỏe cho H thu lợi bất chính 30.000 đồng/giấy và thu giữ tại Công ty TNHH Y Giấy khám sức khỏe không dán hình, không có thông tin người khám và chưa ghi ngày, tháng, năm nhưng có ký xác nhận các khoa

khám và ký đóng dấu tròn đỏ của Công ty TNHH Y. K đã thu lợi bất chính số tiền 630.000 đồng.

Lê Hữu K1 biết Nguyễn Thanh H nhận làm giả Giấy khám sức khỏe nên K1 đã giúp sức cho Nguyễn Thanh H làm giả 02 Giấy khám sức khỏe mang tên Lương Văn B và Mai Đình G bằng cách đem hình thẻ và Căn cước công dân đến Phòng khám Đ2 để nhờ người làm giả 02 Giấy khám sức khỏe trên.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, làm ảnh hưởng đến tính công khai, minh bạch và trung thực trong hoạt động khám chữa bệnh và trong các lĩnh vực khác yêu cầu phải có giấy khám sức khỏe. Giấy khám sức khỏe là tài liệu do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp, phản ánh tình trạng sức khỏe của công dân và là căn cứ để cơ quan chức năng xem xét đủ điều kiện tham gia lao động, học tập. Hiện nay, tình hình làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức tại địa phương xảy ra ngày càng nhiều với tính chất tinh vi, phức tạp, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân cũng như các cơ quan, tổ chức, đặc biệt là giấy khám sức khỏe. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo H, K làm giả tổng 21 Giấy khám sức khỏe nên bị xét xử với tình tiết định khung quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm dùng tổng số tài liệu để áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” đối với các bị cáo là có sai lầm trong áp dụng pháp luật (áp dụng tình tiết định khung thì không áp dụng tình tiết tăng nặng).

[5] Xét yêu cầu kháng cáo đề nghị xem xét lại toàn bộ nội dung bản án của bị cáo Nguyễn Thanh H, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt: Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thanh H không cung cấp thêm được tình tiết nào mới. Hội đồng xét xử xét thấy: tuy cấp sơ thẩm có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật (áp dụng tình tiết tăng nặng đối với các bị cáo), nhưng mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp; nên không có cơ sở xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[6] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo K xin giảm nhẹ hình phạt, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo K thay đổi yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo: Tại cấp phúc thẩm, bị cáo K bổ sung thêm một số tình tiết giảm nhẹ như bị cáo có cha tên Phạm Văn N được tặng Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng nhất là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, bị cáo K có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo có khả năng tự cải tạo; không cần thiết bắt

bị cáo chấp hành hình phạt tù mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo và việc cho bị cáo hưởng án treo cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, kháng cáo của bị cáo K xin được hưởng án treo là có cơ sở chấp nhận.

[7] Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo đối với bị cáo Nguyễn Thanh H là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận, đối bị cáo Phạm Văn K là chưa phù hợp nên không được chấp nhận.

[8] Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh H là không phù hợp nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh H không được chấp nhận nên bị cáo H phải chịu; kháng cáo của bị cáo Phạm Văn K được chấp nhận nên bị cáo K không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1.1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh H, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 196/2025/HS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;

1.2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

1.3. Tiếp tục duy trì biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Nguyễn Thanh H cho đến thời điểm bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

2.1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn K, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 196/2025/HS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2025 của Tòa án

nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh, về biện pháp chấp hành hình phạt;

2.2. Áp dụng a khoản 3 Điều 341; Điều 58; Điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Phạm Văn K 03 (ba) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 19/3/2026.

- Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Thanh H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng;

Bị cáo Phạm Văn K không phải chịu.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh (06);
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng PV06 – Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo (02);
- Người tham gia tố tụng;
- Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP, 20, (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Lộc

